

Số: 1670/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 05 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư thị trấn
Dầu Giây tại thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy
hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính
phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính
phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07
tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và
Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số
nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính
phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà
nước của bộ xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây
dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy
hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 40/TTr-SXD ngày 02
tháng 5 năm 2024, Văn bản số 2295/SXD-QLQHKT ngày 31 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư thị trấn
Dầu Giây tại thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai với nội dung
chính như sau:

1. Vị trí và quy mô nghiên cứu lập quy hoạch

a) Vị trí

Khu tái định cư thị trấn Dầu Giây tại thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông : Giáp đất nông nghiệp;
- Phía Bắc : Giáp dự án khu dân cư A1-C1;
- Phía Tây : Giáp đất nông nghiệp;
- Phía Nam : Giáp đất nông nghiệp.

b) Quy mô, diện tích, tỷ lệ lập quy hoạch

- Diện tích lập quy hoạch : 51,83 ha.
- Quy mô dân số : Khoảng 7.200 người.
- Tỷ lệ lập quy hoạch : 1/500.

2. Mục tiêu, tính chất

a) Mục tiêu

- Định hướng phát triển không gian theo quy hoạch chung thị trấn Dầu Giây, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo khai thác và quản lý sử dụng quỹ đất một cách hợp lý, tạo môi trường không gian, kiến trúc cảnh quan phù hợp sự phát triển của khu vực.

- Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo cho việc hình thành một khu dân cư hiện đại, an toàn về môi sinh, thân thiện với môi trường.

- Đảm bảo cơ cấu sử dụng đất và tổ chức hệ thống hạ tầng xã hội phù hợp với định hướng phát triển của địa phương cũng như kết nối hợp lý với hệ thống hạ tầng các khu vực lân cận.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc tiến hành triển khai xây dựng, quản lý xây dựng và đầu tư xây dựng.

b) Tính chất

Là khu tái định cư được đầu tư xây dựng mới, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, quy mô cơ cấu phân khu chức năng sử dụng đất hợp lý, làm cơ sở để chính quyền các cấp, các cơ quan quản lý xây dựng theo quy hoạch.

3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật - hạ tầng kỹ thuật

Căn cứ Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư thị trấn Dầu Giây tại thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD và các tiêu chuẩn hiện hành:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất dự kiến

- Đất ở : $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$;

- Đất công trình hạ tầng xã hội : $\geq 04 \text{ m}^2/\text{người}$;
- Đất cây xanh tập trung : $\geq 05 \text{ m}^2/\text{người}$;
- Đất giao thông : 25 - 30 $\text{m}^2/\text{người}$.

b) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

- Mật độ xây dựng, tầng cao, chiều cao và khoảng lùi:

Stt	Công trình	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao (tầng)	Chiều cao (m)	Khoảng lùi trước (m)	Khoảng lùi sau (m)
1	Nhà liên kế	≤ 90	≤ 04	$\leq 18,5$	0 - 03	≥ 02
2	Công trình hạ tầng xã hội					
2.1	Khu văn hóa	≤ 40	≤ 02	≤ 15	≥ 06	
2.2	Khu giáo dục	≤ 40				
	<i>Trường mầm non</i>	≤ 40	≤ 02	≤ 12	≥ 06	
	<i>Trường tiểu học</i>	≤ 40	≤ 02	≤ 12	≥ 06	
	<i>Trường trung học cơ sở</i>	≤ 40	≤ 03	≤ 16	≥ 06	
2.3	Khu thương mại dịch vụ	≤ 70	≤ 6	≤ 30	≥ 06	
3	Khu cây xanh công viên	≤ 05	01	≤ 07	≥ 03	

- Tiêu chuẩn hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- + Tiêu chuẩn cấp điện : 1.000 KWh/người.năm;
- + Tiêu chuẩn cấp nước : ≥ 100 lít/người/ngày đêm;
- + Tiêu chuẩn nước thải : 100% nước cấp;
- + Tiêu chuẩn thải rác : 0,9 kg/người/ngày;
- + Thuê bao cố định (điện thoại cố định, internet có dây): 01 thuê bao/2 người;
- + Thuê bao truyền hình cáp : 01 thuê bao/01 hộ;
- + Mạng thông tin di động đảm bảo phủ sóng toàn bộ khu vực quy hoạch.

4. Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng

a) Quy hoạch sử dụng đất

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

Stt	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu ($\text{m}^2/\text{người}$)
1	Đất ở		225.538,44	43,51	31,3
	- Đất nhà ở liên kế	LK	225.538,44		
2	Đất công trình hạ tầng xã hội		34.937,35	6,74	4,9
2.1	Đất văn hóa	VH	5.592,00	1,08	0,8

Stt	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)
2.2	Đất giáo dục		23.452,09	4,52	3,3
	- Trường mầm non	GD1	5.382,40		
	- Trường tiểu học	GD2	8.000,00		
	- Trường trung học cơ sở	GD3	10.069,69		
2.3	Đất thương mại dịch vụ	TM	5.893,26	1,14	0,8
3	Đất cây xanh công viên	CX	49.964,26	9,64	6,9
4	Đất hạ tầng kỹ thuật		2.016,00	0,39	
	- Đất trạm xử lý nước thải	HT	2.016,00		
5	Đất giao thông		205.847,95	39,72	28,6
Tổng cộng			518.304,00	100,00	

b) Phân khu chức năng

Dự án được chia các loại đất sử dụng theo các chức năng sau:

- Đất ở: Với tổng diện tích 225.538,44 m², chiếm 43,51% diện tích toàn khu; mật độ xây dựng: ≤ 90%, tầng cao công trình: ≤ 04 tầng và 01 bán hầm; tổng số: 2.000 lô đất ở, trong đó: Lô đất ở có kích thước (5x25 m; 5x25,5 m; 5x26 m) là 1.409 lô và lô đất ở có kích thước (5x16 m; 5x16,5 m) là 591 lô.

- Khu công trình hạ tầng xã hội: Tổng diện tích 34.937,35 m², chiếm 6,74 % diện tích toàn khu. Trong đó bao gồm:

+ Trường mầm non diện tích khoảng 5.382,40 m², nằm trên tuyến đường chính N11C, mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao: ≤ 02 tầng.

+ Trường tiểu học diện tích khoảng 8.000 m², mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao: ≤ 02 tầng.

+ Trường trung học cơ sở diện tích khoảng 10.069,69 m², tầng cao: ≤ 03 tầng.

+ Khu đất thương mại dịch vụ tại khu vực trung tâm của dự án với diện tích khoảng 5.893,26 m², tiếp giáp trục đường N11 và M7, mật độ xây dựng: ≤ 70%, tầng cao: ≤ 06 tầng nổi và 02 tầng hầm.

+ Nhà văn hóa thể dục thể thao với diện tích khoảng 5.592 m², nằm ở phía Đông Bắc của dự án, mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao: ≤ 02 tầng.

- Trạm xử lý nước thải nằm trên trục đường chính N11, được bao quanh bởi công viên cây xanh, diện tích 2.016 m², chiếm tỷ lệ 0,39% toàn khu, mật độ xây dựng 50 - 70%.

- Khu cây xanh - thể dục thể thao: Diện tích: 49.964,26 m², chiếm tỷ lệ 9,64%, mật độ xây dựng: ≤ 05%, tầng cao: 01 tầng.

5. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

a) Tổ chức các công trình nhà ở phân bố đều trên toàn khu quy hoạch với 38 dãy nhà liên kế, kết hợp với các mảng cây xanh công viên, tạo không gian mở và thông suốt, hài hòa.

b) Tổ chức các công trình hạ tầng xã hội

- Khu đất thương mại dịch vụ được bố trí tại khu vực trung tâm của dự án, kết hợp với công viên cây xanh tập trung (CX1) tại nút giao giữa 02 trục đường cảnh quan chính của dự án là đường N11 và M7.

- Khu giáo dục gồm 03 loại hình, bao gồm: trường mầm non, trường tiểu học và trường trung học cơ sở được bố trí phía Đông trục đường M7 và tại khu vực trung tâm của khu vực lập quy hoạch nhằm phục vụ nhu cầu giáo dục, đảm bảo bán kính phục vụ theo quy định.

- Nhà văn hóa thể dục thể thao nằm phía Tây Nam công viên cây xanh tập trung (CX5) nhằm phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí và thể dục thể thao của người dân tại khu vực.

c) Các khu cây xanh - thể dục thể thao: Bố trí xen kẽ trong các dãy nhà liên kế và phân bố đều trong dự án nhằm đảm bảo tiêu chuẩn về mật độ cây xanh trong khu vực đồng thời mang lại không gian sống xanh, trong lành.

d) Giao thông và hạ tầng kỹ thuật: Phương án quy hoạch bố trí các trục đường chính theo hướng Bắc - Nam và Đông - Tây chạy dọc theo tuyến nhà liên kế. Các tuyến đường còn lại bố trí liên thông với các tuyến đường chính đảm bảo khả năng lưu thông, kết nối.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch giao thông

- Phương án quy hoạch

+ Đường D4 lộ giới 40 m, gồm: Bề rộng mặt đường rộng 21 m, vỉa hè hai bên $2 \times 7 \text{ m} = 14 \text{ m}$, dải phân cách giữa 5 m.

+ Đường D6, D7, N12 lộ giới 28 m, gồm: Bề rộng mặt đường 14 m, vỉa hè hai bên $2 \times 7 \text{ m} = 14 \text{ m}$.

+ Đường N11 lộ giới 26 m, gồm: Bề rộng mặt đường 12 m, vỉa hè hai bên $2 \times 7 \text{ m} = 14 \text{ m}$

+ Đường M7 lộ giới 24 m gồm: Bề rộng mặt đường 12 m, vỉa hè hai bên $2 \times 6 \text{ m} = 12 \text{ m}$

+ Từ hệ thống giao thông trục chính theo quy hoạch bố trí các tuyến Đường theo mạng lưới ô cờ đảm bảo kết nối và phục vụ các khu chức năng, khu ở trong dự án. Cụ thể: D4A; D4B; D6A; D6B; D6C; D6D; D6E; D7A; D7B; N10A; N10B; N10C; N10D; N10E; N11A; N11B; N11C; N11D; N11E; N11F; N11G; Lộ giới 15 m, bề rộng mặt đường 7 m, vỉa hè hai bên $2 \times 4 \text{ m} = 8 \text{ m}$.

- Các yếu tố kỹ thuật về giao thông:

+ Kết cấu mặt đường: Mặt đường trong khu quy hoạch là mặt đường bê tông nhựa nóng trên móng cấp phối đá dăm.

+ Mặt đường được bố trí mặt cắt ngang dốc về 01 bên hoặc 02 bên với độ dốc ngang 2%. Trên các tuyến đường phải có giải pháp xử lý thoát nước mưa triệt để, tránh để lắng đọng trên mặt đường.

+ Kết cấu vỉa hè: Lát gạch Terazzo.

+ Bán kính bó vỉa chọn $R_{min} = 8 - 15$ m đối với giao thông đối nội.

b) Quy hoạch san nền

- Bám theo địa hình tự nhiên và cao độ khống chế tại các tuyến đường xung quanh khu quy hoạch để san lấp.

- Chọn cao độ xây dựng bám sát địa hình tự nhiên, cao độ san nền lớn nhất: +186,00 m phía Đông Bắc, cao độ nhỏ nhất: +161,30 m ở phía Tây.

- Đắp nền bằng đất cấp III, độ chặt $K \geq 0,90$.

c) Quy hoạch thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa (*tách riêng với hệ thống thoát nước thải*) được xây dựng mới hoàn toàn bằng cống tròn bê tông cốt thép. Toàn bộ nước mưa trong dự án được thu gom và thoát nước về mương hở hiện hữu phía Tây cách dự án khoảng 600 m và chảy về suối Bàu Hàm 2.

- Hệ thống thoát nước trong khu vực được thiết kế theo hình thức tự chảy. Cống thoát nước sử dụng loại cống tròn bê tông cốt thép D400 đến D1500 và cống hộp BxH (2500x2500), cụ thể như sau:

+ Các cống tròn D400 thu gom nước mưa trên mặt đường nội bộ, công trình, sân vườn trong tiểu khu.

+ Các cống tròn D600 thu gom nước trên tuyến đường giao thông nhánh và các khu vực nhỏ khác.

+ Các cống tròn D800-BxH (2500 x 2500) chạy dọc theo các tuyến đường chính thu gom nước từ các tuyến cống nhánh và thu nước thoát từ các khu dân cư xung quanh rồi thoát ra mương hở hiện hữu phía Tây cách dự án khoảng 600 m và chảy về suối Bàu Hàm 2.

- Tại các điểm giao cắt các tuyến cống, bố trí các giếng thu tránh ứ đọng cục bộ và để tiện cho việc kiểm tra, sửa chữa.

- Độ sâu chôn cống tối thiểu là 0,5 m đối với cống trên vỉa hè, 0,7 m đối với cống chôn dưới lòng đường.

- Bố trí cống chịu tải trọng H30 đối với cống chôn dưới lòng đường.

d) Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Tổng nhu cầu dùng nước: 1.850 m³/ngày.

- Nguồn cấp nước từ tuyến ống cấp nước D800 dọc đường D6 (bên trái tuyến) đi qua dự án hướng từ Quốc lộ 1A vào, thuộc Công ty Cổ phần cấp nước Gia Tân quản lý.

- Chọn loại ống: Sử dụng ống HDPE làm đường ống cấp nước.

- Mạng lưới đường ống cấp nước:

+ Đường ống chính sử dụng ống D200 và D160 và đường ống nhánh sử dụng ống D110.

+ Mạng lưới đường ống sẽ được bố trí theo dạng mạch vòng, để đảm bảo nước cấp không bị gián đoạn khi có sự cố xảy ra.

+ Ống cấp nước đặt dưới vỉa hè với chiều sâu chôn ống tối thiểu từ 0,5 m. Tại những vị trí băng đường sử dụng ống lồng thép với độ sâu chôn ống tối thiểu từ 0,7 m.

+ Trên các tuyến ống có bố trí các trụ cứu hỏa với khoảng cách trung bình không vượt quá 150 m/trụ, để thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy.

d) Quy hoạch hệ thống thoát nước thải

- Tổng lưu lượng nước thải: 1.335 m³/ngày.

- Toàn bộ nước thải từ các công trình được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại bố trí trong từng công trình trước khi xả ra hệ thống cống thoát nước thải tập trung đưa về hệ thống xử lý nước thải chung của dự án.

- Bố trí trạm xử lý nước thải công suất tối thiểu 1.335 m³/ngày cho dự án.

- Hệ thống thoát nước thải trong dự án được bố trí riêng biệt hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa, nước thải từ các công trình được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại bố trí trong từng công trình và được thu gom bằng hệ thống cống bê tông cốt thép D300, D400, D600. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn Việt Nam QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (theo phân vùng tiếp nhận quy định tại Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2015 về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai) trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa và đổ ra mương hở hiện hữu phía Tây cách dự án khoảng 600 m và chảy về suối Bàu Hàm 2.

- Yêu cầu chung về môi trường của hệ thống xử lý nước thải tuân thủ theo đúng TCVN 7222: 2002. Hệ thống xử lý nước thải áp dụng công nghệ xử lý tiên tiến tránh gây ô nhiễm môi trường.

e) Quy hoạch hệ thống cấp điện

- Nguồn điện: Dự án được cấp điện từ tuyến đường điện 22KV chạy dọc theo đường M6 xuất phát từ tuyến 479 Bàu Hàm 481 Núi Nứa - trạm 110/22kV Dầu Giây, cách vị trí dự án khoảng 250 m. Cụ thể như sau:

+ Điểm đầu nối thứ nhất: Đầu nối vào đường dây trung thế xuất phát từ tuyến 479 Bàu Hàm thuộc trạm 110/22kV Dầu Giây.

+ Điểm đầu nối thứ hai: Đầu nối vào đường dây trung thế xuất phát từ tuyến 481 Núi Nứa thuộc trạm 110/22kV Dầu Giây (*để tạo mạch vòng vận hành hở*).

- Phương án quy hoạch đường dây trung hạ thế, trạm biến áp và hệ thống chiếu sáng đèn đường bao gồm: Xây dựng mới lưới điện trung thế ngầm 22KV, đường dây hạ thế được xây dựng ngầm và hệ thống chiếu sáng cấp ngầm.

g) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

- Nguồn đầu nối đến tổng đài của khu vực thiết kế là tuyến cáp thông tin dự kiến được đầu tư trên đường M6 cách khu quy hoạch khoảng 500 m. Được ghép nối vào mạng viễn thông của Bưu điện tỉnh Đồng Nai thông qua Bưu điện thị trấn Dầu Giây.

- Đầu tư xây dựng các trạm BTS theo quy hoạch, tiêu chuẩn của ngành Viễn thông. Xây dựng mới một hệ thống viễn thông hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với mạng viễn thông quốc gia và quốc tế

- Nhu cầu sử dụng:

+ Tổng số thuê bao (*điện thoại cố định, internet có dây*) khoảng: 4.185 (*thuê bao*).

+ Thuê bao truyền hình cáp 1 thuê bao/1 hộ + 10%: 2.200 (*thuê bao*).

+ Mạng thông tin di động đảm bảo phủ sóng toàn bộ khu vực quy hoạch.

h) Quy hoạch hệ thống hào kỹ thuật

- Hào kỹ thuật là công ngầm có kích thước phù hợp lắp đặt các đường dây, cáp viễn thông, điện lực và chiếu sáng công cộng; đường ống cấp nước; đường ống cấp năng lượng.

- Khoảng cách tối thiểu giữa các đường dây, đường ống kỹ thuật nằm trong tuy-nen hoặc hào kỹ thuật được xác định theo các tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành được lựa chọn áp dụng.

- Kích thước Hào kỹ thuật được xác định tùy theo từng tuyến đường quy hoạch cụ thể, và hạng mục hạ tầng lắp đặt trong hào kỹ thuật

i) Quy hoạch thu gom, xử lý chất thải rắn

Chất thải rắn sinh hoạt: được thu gom và tiến hành phân loại tại nguồn. Rác thải thu gom theo từng khu vực và chứa trong các thùng chứa chuyên dụng, có dán nhãn phân loại rác tại nguồn. Hàng ngày, rác sinh hoạt được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

7. Các giải pháp bảo vệ môi trường

Thực hiện theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Ban Quản lý dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh có trách nhiệm thực hiện:

1. Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Thống Nhất, Ủy ban nhân dân thị trấn Dầu Giây thực hiện công bố công khai cho nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch, cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt.

2. Tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt hồ sơ nhiệm vụ cấm mốc giới theo quy định. Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Thống Nhất, Ủy ban nhân dân thị trấn Dầu Giây tổ chức triển khai cắm các mốc lộ giới theo nội dung quy hoạch ra thực địa, quản lý xây dựng theo đúng hồ sơ đã được duyệt. Hồ sơ cấm mốc giới trước khi phê duyệt phải được Sở Xây dựng chấp thuận đảm bảo tuân thủ đúng quy hoạch chi tiết được duyệt và phù hợp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào.

3. Căn cứ vào quy hoạch được duyệt, chủ đầu tư thực hiện lập các thủ tục tiếp theo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thi công các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, việc đầu tư xây dựng các hạng mục theo quy định hiện hành.

4. Trong quá trình lập dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật cần liên hệ với các chuyên ngành: Giao thông, cấp nước, cấp điện, bưu chính viễn thông, Công an phòng cháy chữa cháy,... để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp với hệ thống đầu nối hạ tầng chung tại khu vực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thống Nhất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Dầu Giây; Giám đốc Ban Quản lý dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Q.Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức